

BÀI GIẢNG CHUYÊN ĐỀ: CÂU BỊ ĐỘNG (PASSIVE VOICE)

Thời Quá Khứ Tiếp Diễn (Past Continuous Tense)

1. Tổng Quan Về Chuyển Đổi Câu Bị Động Thời Quá Khứ Tiếp Diễn

Để học viên nắm vững bản chất của câu bị động ở thời Quá khứ tiếp diễn (diễn tả một hành động đang trong quá trình xảy ra tại một thời điểm hoặc dòng sự kiện trong quá khứ và bị đối tượng khác tác động), chúng ta cùng phân tích qua ví dụ nền tảng sau:

Ví dụ chủ động: My Dad was building the house. (Bố tôi đang xây ngôi nhà lúc đó.)

Bước 1: Xác định tân ngữ (Object): Tân ngữ trong câu chủ động là "the house". Khi chuyển sang câu bị động, ta đưa tân ngữ này lên vị trí đầu câu để làm Chủ ngữ mới.

Bước 2: Xác định thời (Tense): Động từ "was building" giúp ta nhận diện câu đang ở thời **Quá khứ tiếp diễn**. Do đó, cấu trúc bị động bắt buộc phải chuyển đổi động từ "to be" về dạng quá khứ (**was/were**) kết hợp với thành phần tiếp diễn là **being**.

Bước 3: Chuyển đổi hoàn chỉnh: The house was being built by my Dad. (Ngôi nhà đang được xây dựng bởi bố tôi.)

2. Công Thức Tổng Quát (Formulas)

Giáo viên hướng dẫn học viên ghi nhớ bảng hệ thống cấu trúc 3 thể Khẳng định, Phủ định và Nghi vấn dưới đây:

Thể (Type)	Công thức bị động (Passive Form)	Lưu ý chia Was/Were
Khẳng định (+)	S + was/were + being + PII + (by O)	- Was: Đi với S số ít (I, He, She, It, Danh từ số ít, Danh từ không đếm được) - Were: Đi với S số

Thể (Type)	Công thức bị động (Passive Form)	Lưu ý chia Was/Were
Phủ định (-)	<i>S + was/were + not + being + PII + (by O)</i>	nhiều (You, We, They, Danh từ số nhiều)
Nghi vấn (?)	<i>Was/Were + S + being + PII + (by O)?</i>	

Trọng tâm lý thuyết: Khác với thời Hiện tại tiếp diễn sử dụng *am/is/are*, thời Quá khứ tiếp diễn chuyển sang bị động sẽ sử dụng *was/were*. Cụm từ ***being + PII*** hoàn toàn giữ nguyên không thay đổi ở cả hai thời tiếp diễn.

3. Phân Tích Các Mẫu Câu Chi Tiết

Dưới đây là các mô hình câu thực tế giúp học viên làm quen với các ngữ cảnh và cách dùng khác nhau trong quá khứ:

3.1. Thể Khẳng Định (Affirmative)

Mẫu câu 1:

- **Chủ động:** The mechanic was repairing my car at 10 AM yesterday. (Người thợ máy đang sửa xe của tôi vào lúc 10 giờ sáng hôm qua.)
- **Bị động:** My car was being repaired by the mechanic at 10 AM yesterday.
- **Giải thích chi tiết:** Tân ngữ "my car" là danh từ số ít nên chủ ngữ mới đi với "was being". Động từ "repair" thêm đuôi -ed thành dạng phân từ "repaired". Trạng ngữ thời gian cụ thể "at 10 AM yesterday" được giữ nguyên vị trí ở cuối câu.

Mẫu câu 2:

- **Chủ động:** They were cleaning the classrooms when I arrived. (Họ đang dọn dẹp các phòng học khi tôi đến.)
- **Bị động:** The classrooms were being cleaned when I arrived.
- **Giải thích chi tiết:** Tân ngữ số nhiều "the classrooms" đòi hỏi sử dụng trợ động từ "were". Vì chủ ngữ cũ là "They" mang tính chung chung không xác định, ta chủ động lược bỏ cụm "by them" để câu gọn gàng và tự nhiên hơn.

3.2. Thể Phủ Định (Negative)

Mẫu câu 3:

- **Chủ động:** **She was not writing the reports at that time.** (Cô ấy đã không đang viết các bản báo cáo vào thời điểm đó.)
- **Bị động:** **The reports were not being written by her at that time.**
- **Giải thích chi tiết:** Tân ngữ "**the reports**" là số nhiều nên chuyển sang bị động phải dùng trợ động từ "**were**". Từ phủ định "**not**" được chèn giữa "**were**" và "**being**". Động từ bất quy tắc "**write**" biến đổi thành phân từ hai là "**written**".

3.3. Thể Nghi Vấn (Interrogative)

Mẫu câu 4:

- **Chủ động:** **Was he cooking dinner when the phone rang?** (Có phải anh ấy đang nấu bữa tối khi chuông điện thoại reo không?)
- **Bị động:** **Was dinner being cooked by him when the phone rang?**
- **Giải thích chi tiết:** Đảo trợ động từ "**Was**" lên trước chủ ngữ mới là "**dinner**" (danh từ không đếm được/số ít). Cụm "**being cooked**" đứng ngay sau chủ ngữ. Cụm hành động xen vào "**when the phone rang**" viết lại ở cuối câu hỏi.

4. Phần Bài Tập Thực Hành Ngay (Exercises)

Học viên hãy áp dụng cấu trúc câu bị động thời Quá khứ tiếp diễn để chuyển đổi 10 câu chủ động sau đây:

1. **The maid was cleaning the hotel room when we checked in.** (Người giúp việc đang dọn phòng khách sạn khi chúng tôi nhận phòng.)
2. **The children were playing video games while their mother was cooking.** (Lũ trẻ đang chơi trò chơi điện tử trong khi mẹ chúng đang nấu ăn.)
3. **The professor was delivering an important lecture at 3 PM yesterday.** (Giáo sư đang thực hiện một bài giảng quan trọng vào lúc 3 giờ chiều hôm qua.)
4. **They were painting the bridge when the storm hit.** (Họ đang sơn cây cầu thì cơn bão đổ bộ.)
5. **The police officer was questioning the suspect at the station.** (Cảnh sát đang thẩm vấn nghi phạm tại đồn.)
6. **Was she baking a strawberry cake when you visited her?** (Có phải cô ấy đang nướng bánh dâu tây khi bạn đến thăm cô ấy không?)

7. **They were not feeding the animals when the zoo closed.** (*Họ không đang cho động vật ăn khi sở thú đóng cửa.*)
8. **The firemen were rescuing the victims from the burning building.** (*Các chiến sĩ cứu hỏa đang giải cứu các nạn nhân khỏi tòa nhà đang cháy.*)
9. **Were the designers creating a new website layout all last night?** (*Có phải các nhà thiết kế đang tạo bố cục trang web mới suốt đêm qua không?*)
10. **My sister was preparing the presentation files when the power went out.** (*Chị gái tôi đang chuẩn bị các tệp thuyết trình thì mất điện.*)

5. Đáp Án Chi Tiết Phục Vụ Giảng Dạy (Answer Key)

Giáo viên sử dụng phần đáp án phân tích này để sửa bài và nhấn mạnh quy tắc chia động từ phù hợp với chủ ngữ mới cho học viên:

1. **Đáp án: The hotel room was being cleaned by the maid when we checked in.**
→ Giải thích: "The hotel room" là danh từ số ít nên đi với cụm "was being cleaned".
2. **Đáp án: Video games were being played by the children while their mother was cooking.**
→ Giải thích: "Video games" ở dạng số nhiều nên chuyển từ "were playing" thành bị động là "were being played".
3. **Đáp án: An important lecture was being delivered by the professor at 3 PM yesterday.**
→ Giải thích: Chủ ngữ mới "An important lecture" là số ít, động từ "deliver" quy tắc thêm -ed.
4. **Đáp án: The bridge was being painted when the storm hit.**
→ Giải thích: "The bridge" là số ít đi với "was being painted". Lược bỏ "by them".
5. **Đáp án: The suspect was being questioned by the police officer at the station.**
→ Giải thích: Tân ngữ "the suspect" chuyển lên làm chủ ngữ số ít, đi kèm "was being questioned".
6. **Đáp án: Was a strawberry cake being baked by her when you visited her?**
→ Giải thích: Câu hỏi số ít, đảo "Was" lên đầu trước "a strawberry cake", chuyển đổi đại từ "she" thành "by her".
7. **Đáp án: The animals were not being fed when the zoo closed.**
→ Giải thích: Câu phủ định số nhiều, sử dụng dạng cấu trúc "were not being". Động từ "feed" đổi sang PII thành "fed".
8. **Đáp án: The victims were being rescued from the burning building by the firemen.**
→ Giải thích: "The victims" là số nhiều nên đi với cụm "were being rescued".
9. **Đáp án: Were a new website layout being created by the designers all last night?**
→ LƯU Ý LỖI SAI HỌC VIÊN: Chủ ngữ gốc là "the designers" (số nhiều), nhưng tân ngữ "a new website layout" là số ít. Do đó khi đảo lên làm chủ ngữ mới, ta phải chuyển trợ động từ "Were" thành "Was" → **Câu đúng: Was a new website layout being created by the designers all last night?**

10. **Đáp án: The presentation files were being prepared by my sister when the power went out.**

→ *Giải thích: "The presentation files" là số nhiều, vì vậy hệ trợ động từ chuyển thành "were being prepared".*